ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166 /BC-UBND	*An Khê, ngày 07 tháng 4 năm 2021*

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2021

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Luật ngân sách số 83/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2021 theo các nội dung và biểu mẫu như sau:

1. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2021.

2. Cân đối ngân sách thị xã quý I năm 2021 theo biểu số 93/CK-NSNN.

3. Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý I năm 2021 theo biểu số 94/CK-NSNN.

4. Thực hiện chi ngân sách thị xã quý I năm 2021 theo biểu số 95/CK-NSNN.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quí I năm 2021./.

Nơi nhận: - Như trên; - TT Thị ủy; - TT HĐND thị xã; - Chủ tịch, PCT UBND thị xã; - Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thuộc thị xã; - Cổng TTĐT thị xã; - UBND các xã, phường; - Lưu: VT, TCKH.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Hùng Vỹ**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2021

(Đính kèm báo cáo số 166 /BC-UBND, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê)

I. Tình hình thu ngân sách quý I năm 2021:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện quý I năm 2021 là 27.051,01 triệu đồng, đạt 28,52% so với dự toán tỉnh giao và đạt 15,87% so với dự toán HĐND thị xã giao, giảm 14,22% so với cùng kỳ. Một số kết quả thực hiện thu ngân sách đạt được cụ thể như sau:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước: 72,43 triệu đồng, đạt 14,49% dự toán giao, giảm 64,81% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 7.173,55 triệu đồng đạt 25,44% dự toán được giao, giảm 14,31% so với cùng kỳ.

3. Thuế thu nhập cá nhân: 2.772,22 triệu đồng, đạt 24,11% dự toán được giao, tăng 13,27% so với cùng kỳ năm trước.

4. Lệ phí trước bạ: 2.295,24 triệu đồng, đạt 22,95% dự toán được giao, tăng 58,61% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu phí, lệ phí: 1.912,93 triệu đồng, đạt 34,47% dự toán được giao, giảm 4,74% so với cùng kỳ.

6. Các khoản thu về nhà, đất: 10.912,56 triệu đồng, đạt 32,87% dự toán tỉnh giao và 10,03% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 20,85% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó một số khoản thu chủ yếu như:

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 205,93 triệu đồng, đạt 29,42% so với dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: 10.369,11 triệu đồng, đạt 34,56% dự toán tỉnh giao và 9,82% dự toán HĐND thị xã giao, bằng 86,95% so với cùng kỳ năm trước.

- Tiền cho thuê mặt đất, cho thuê mặt nước: 334,09 triệu đồng, đạt 13,36% dự toán được giao.

7. Thu khác ngân sách: 1.761,69 triệu đồng, đạt 29,81% so với dự toán, bằng 94,11% so với cùng kỳ.

*** Đánh giá tình hình thực hiện thu:**

Nhìn chung 3 tháng đầu năm số thu ngân sách trên địa bàn không đạt tiến độ được giao, do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh bắt đầu từ tháng 1/2021 một số hộ kinh doanh phải tạm ngừng, nghỉ kinh doanh, hàng hóa tiêu thụ chậm, thuế GTGT của các doanh nghiệp phát sinh ít.

II. Tình hình chi ngân sách thị xã quý I năm 2021:

Tổng chi ngân sách thị xã quý I năm 2021 là 65.298,77 triệu đồng, đạt 20,49% so với dự toán tỉnh giao và đạt 16,56% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 25,93% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể một số nhiệm vụ chi:

1. Chi cân đối ngân sách thị xã: 56.307,11 triệu đồng, đạt 18,75% so với dự toán tỉnh giao và 14,98% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 31,37% so với cùng kỳ, trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển: 2.999,22 triệu đồng, đạt 5,65% dự toán tỉnh giao và 2,33% dự toán HĐND thị xã giao.

b. Chi thường xuyên: 53.223,19 triệu đồng, đạt 22,06% so với dự toán, giảm 10,84% so với cùng kỳ. Cơ bản đảm bảo những nhu cầu chi thiết yếu như tiền lương, an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn và những nhu cầu chi thiết yếu khác....

c. Chi dự phòng: 84,71 triệu đồng, đạt 1,41% so với dự toán tỉnh giao, các nội dung chi dự phòng chủ yếu cho các nội dung phát sinh đột xuất trong năm chưa được bố trí từ đầu năm.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 8.991,66 triệu đồng, đạt 48,81% so với dự toán.

*** Đánh giá tình hình thực hiện chi:**

Nhìn chung, kết quả thực hiện cân đối giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách thị xã quý I năm 2021 đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra, công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng Nhân dân thị xã giao.

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)		
					Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
		Tỉnh giao	HĐND giao		Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**318.723,00**	**394.323,00**	**98.552,53**	**30,92%**	**24,99%**	**104,08%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**86.340,00**	**161.940,00**	**24.622,71**	**28,52%**	**15,20%**	**96,41%**
1	Thu nội địa	86.340	161.940	24.622,71	28,52%	15,20%	96,41%
2	Thu viện trợ				-	-	-
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**7.832,50**	**-**	**-**	**17,84%**
III	**Thu kết dư ngân sách**			**-**	**-**	**-**	**-**
IV	**Thu quản lý qua NS**			**90,22**	**-**	**-**	**36,49%**
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**232.383**	**232.383**	**66.007,10**	**28,40%**	**28,40%**	**264,03%**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**318.723,00**	**383.723,00**	**65.298,77**	**20,49%**	**17,02%**	**74,07%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách thị xã**	**300.302,00**	**365.302,00**	**56.307,11**	**18,75%**	**15,41%**	**68,63%**
1	Chi đầu tư phát triển	53.074,00	118.074,00	2.999,22	5,65%	2,54%	13,87%
2	Chi thường xuyên	241.222,00	239.710,00	53.223,19	22,06%	22,20%	89,16%
3	Dự phòng ngân sách	6.006,00	7.518,00	84,71	1,41%	1,13%	11,67%
II	**Chi từ nguồn QLQNS**			**-**	**-**	**-**	**-**
III	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**18.421,00**	**18.421,00**	**8.991,66**	**48,81%**	**48,81%**	**146,94%**
IV	**Chi chuyển nguồn**			**-**	**-**	**-**	**-**
V	**Chi nộp ngân sách cấp trên**			**-**	**-**	**-**	**-**

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND giao		Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
					Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**94.860,00**	**170.460,00**	**27.051,01**	**28,52%**	**15,87%**	**85,78%**
I	**Thu nội địa**	**94.860,00**	**170.460,00**	**27.051,01**	**28,52%**	**15,87%**	**85,78%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	500,00	500,00	72,43	14,49%	14,49%	35,19%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-	-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	28.200,00	28.200,00	7.173,55	25,44%	25,44%	85,69%
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.500,00	11.500,00	2.772,22	24,11%	24,11%	113,27%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-	-	-
6	Lệ phí trước bạ	10.000,00	10.000,00	2.295,24	22,95%	22,95%	158,61%
7	Thu phí, lệ phí	5.550,00	5.550,00	1.912,93	34,47%	34,47%	95,26%
8	Các khoản thu về nhà, đất	33.200,00	108.800,00	10.912,56	32,87%	10,03%	79,15%
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*		-	*3,43*	-	-	*68,08%*
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*700,00*	*700,00*	*205,93*	*29,42%*	*29,42%*	*154,45%*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*30.000,00*	*105.600,00*	*10.369,11*	*34,56%*	*9,82%*	*86,95%*
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*2.500,00*	*2.500,00*	*334,09*	*13,36%*	*13,36%*	*19,39%*
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*		-	-	-	-	-
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-	-	-	-	-
10	Thu khác ngân sách	5.910,00	5.910,00	1.761,69	29,81%	29,81%	94,11%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-	60,17	-	-	166,00%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		-	-	-	-	0,00%
13	Thu huy động đóng góp			90,22	-	-	36,49%
II	**Thu viện trợ**			-	-	-	-
B	**THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**318.723,00**	**394.323,00**	**98.552,53**	**30,92%**	**24,99%**	**102,45%**
1	Từ các khoản thu phân chia			-	-	-	-
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	318.723,00	394.323,00	98.552,53	30,92%	24,99%	102,45%

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND giao		Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
					Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	**318.723,00**	**394.323,00**	**65.298,77**	**20,49%**	**16,56%**	**74,07%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**300.302,00**	**375.902,00**	**56.307,11**	**18,75%**	**14,98%**	**68,63%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**53.074,00**	**128.674,00**	**2.999,22**	**5,65%**	**2,33%**	**13,87%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.754,00	121.354,00	2.999,22	6,56%	2,47%	26,54%
2	Chi đầu tư phát triển khác	7.320,00	7.320,00	-	0,00%	0,00%	0,00%
II	**Chi thường xuyên**	**241.222,00**	**239.710,00**	**53.223,19**	**22,06%**	**22,20%**	**89,16%**
	Trong đó:			-	-	-	-
1	Chi an ninh quốc phòng		9.811,43	3.478,82	-	35,46%	92,35%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	123.148,00	123.148,00	26.634,21	21,63%	21,63%	90,95%
3	Chi khoa học và công nghệ	410,00	410,00	-	0,00%	0,00%	-
4	Chi y tế, dân số và gia đình			-	-	-	-
5	Chi văn hóa thông tin		4.117,00	1.015,15	-	24,66%	82,28%
6	Chi phát thanh, truyền hình		400,00	21,22	-	5,31%	52,94%
7	Chi thể dục thể thao		1.188,60	15,00	-	1,26%	1666,67%
8	Chi bảo vệ môi trường		4.153,00	7,75	-	0,19%	101,97%
9	Chi hoạt động kinh tế		17.578,00	2.700,96	-	15,37%	48,94%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể		75.572,87	16.880,10	-	22,34%	93,56%
11	Chi bảo đảm xã hội		2.976,70	2.469,97	-	82,98%	166,00%
12	Chi khác		354,40	-	-	0,00%	0,00%
13	Chi cải cách tiền lương				-	-	-
III	**Dự phòng ngân sách**	**6.006,00**	**7.518,00**	**84,71**	**1,41%**	**1,13%**	**11,67%**
B	**CHI TỪ NGUỒN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**	-		-	-	-	-
1	Chi học phí			-	-	-	-
2	Chi lâm luật			-	-	-	-
3	Chi QLQNS khác			-	-	-	-
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**18.421,00**	**18.421,00**	**8.991,66**	**48,81%**	**48,81%**	**146,94%**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-	-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	18.421,00	18.421,00	8.991,66	48,81%	48,81%	146,94%
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN**			-	-	-	-
E	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**			-	-	-	-